

Sở hữu (SH) và pháp luật (PL) là hai hiện tượng gắn bó hữu cơ trong lịch sử phân chia giai cấp và lịch sử nhà nước với tư cách là “sự thống nhất của các mặt đối lập” như cách diễn đạt của ngôn ngữ phép biện chứng.

Tất cả các quan niệm phi Mác - xít đều xa lạ với triết lý này. Nhà nước cùng với PL là “hóa thân của Thượng đế”, là sản phẩm của “mệnh Trời”, là “biểu hiện của lý tính thế giới” hay “ý niệm tuyệt đối”, là các quan “phụ mẫu” của thần dân, là “tổng số của lãnh thổ và con người”, là “sự thỏa thuận” hay “khế ước” của xã hội, là “nhà nước phúc lợi chung” hay “nhà nước kỷ trị” v.v.. và v.v.. Tất cả các quan niệm phân khoa học ấy, đều vô tình hay chủ ý, né tránh một sự thật hiển nhiên: Mọi nhà nước cùng với PL của nó sẽ không có lý do ra đời và tồn

thành “vấn đề nội bộ”, nó chỉ trở thành “vấn đề tranh chấp” trong các tình huống xung đột hay chiến tranh giữa các cộng đồng với nhau.

Sự ra đời công cụ kim loại cách đây 7 - 8 thiên niên kỷ như một cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất, làm tăng vượt bậc năng suất lao động và lần đầu tiên tạo ra sản phẩm thặng dư tương đối - cơ sở khách quan cho sự chiếm đoạt lao động của đa số bởi thiểu số. Quá trình này diễn ra cùng với những cuộc phân công lao động lớn: chăn nuôi tách trồng trọt, thủ công nghiệp tách nông nghiệp, trao đổi hàng hóa xuất hiện và ra đời thương nghiệp. Chế độ mẫu hệ bị thay thế bởi chế độ phụ hệ; sở hữu gia đình xác lập và ưu việt, thay thế dần sở hữu công xã. Thủ lĩnh và các nhân vật lãnh đạo các thị tộc, bộ lạc đã lợi dụng địa vị của mình chiếm đoạt dần tài sản cộng đồng cùng với sự phân hóa giàu nghèo không

trong lịch sử: chủ nô và nô lệ. Từ bình bất được không bị giết như trước mà đem về làm nô lệ càng thúc đẩy quá trình phân hóa này.

Nhà nước và PL ra đời trong bối cảnh đó với tư cách là sản phẩm tất yếu của những mâu thuẫn không thể điều hòa, dù nó mang màu sắc phương Đông hay phương Tây cũng vậy. Quan hệ đặc biệt giữa PL và SH cùng bắt đầu từ đó.

Bản chất quan hệ này chính là sự thống nhất biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, giữa kinh tế và chính trị - theo quan niệm Mác - xít.

Song, về phương pháp luận, không thể đồng nhất các khái niệm “quan hệ sở hữu” với “chế độ sở hữu”. Bởi vì, khái niệm đầu vốn là cái khách quan, là quan hệ vật chất - khách quan, cùng với quan hệ tổ chức lao động xã hội và quan hệ phân phối tạo nên

SỞ HỮU VÀ PHÁP LUẬT

PTS. LƯU HÀ VĨ

tại nếu không dựa trên và bảo vệ một chế độ sở hữu thống trị xác định.

Trong buổi bình minh mông muội của mình, với xác nhận không chối cãi của khảo cổ học, loài người chưa hề biết tới nhà nước, PL cũng như cái gọi là “chế độ sở hữu”. Và ngay trong thời đại văn minh này, đây đó trên thế giới (cả ở miền núi phía Bắc và Tây Nguyên VN), vẫn còn sót lại các cộng đồng người chưa từng phân hóa giai cấp. Triết học Mác - xít ra đời đem lại lời giải đáp chân thật cho sự xuất hiện và bản chất của nhà nước cùng với quan hệ hữu cơ giữa PL và SH.

Công cụ thô sơ của người nguyên thủy chưa có thể đem lại sản phẩm dư thừa tương đối, tất yếu qui định sở hữu cộng đồng và phân phối bình quân cho sự sống còn của mọi thành viên các cộng đồng nguyên thủy dưới chế độ quân hoàn toàn bình đẳng giữa chính họ. Sở hữu trong điều kiện ấy chưa trở



tránh khỏi trên nền tảng kinh tế gia đình tư hữu, đã dẫn đến sự xuất hiện hai giai cấp cơ bản đối kháng đầu tiên

những kiểu QHSX xác định, phù hợp với trình độ và tính chất của những LLSX xác định trong lịch sử. Còn khái niệm sau - “chế độ sở hữu” như các nhà kinh điển Mác - Lênin chỉ rõ, là “biểu hiện pháp lý” của các QHSX.

Điều đó chứng tỏ rằng khái niệm “chế độ SH” là cái chủ quan, phản ánh cái ý chí, hơn nữa là cái ý chí cơ bản nhất có ý nghĩa sống còn như mục đích tự thân của giai cấp thống trị. Nếu nhà nước và PL của các giai cấp thống trị không phản ánh và hiện thực hóa ý chí cơ bản ấy thì nó đã không có lý do ra đời và tồn tại. Nếu PL là ý chí chung của giai cấp thống trị thì “chế độ SH” được qui định trong PL chính là “ý chí của ý chí chung” đó. Nếu PL là “áo khoác” của thượng tầng - pháp lý đối với hạ tầng cơ sở, thì “chế độ SH” là cái cốt lõi của “áo khoác” ấy.

Nói tổng quát, vấn đề SH từ cả hai bình diện hiện thực - vật chất-



khách quan lẫn ý chí - pháp lý - chủ quan luôn luôn là nhân tố quyết định nhất đối với toàn bộ bản chất PL, nhà nước và cả số phận của chế độ xã hội nói chung.

Song, vấn đề còn là ở chỗ chế độ SH với tư cách là cái ý chí - pháp lý - chủ quan ấy có phản ánh đúng được thực trạng khách quan của quan hệ SH trong cuộc sống không; hơn nữa, nó thừa nhận và bảo vệ các quan hệ SH tiến bộ hay lỗi thời trong tương quan với LLSX đương thời? Nếu đó là SH tiến bộ thì "may mắn" cho lịch sử vì đó là "địa bàn số một" cho sự phát triển LLSX và tiến bộ xã hội nói chung; trái lại, nếu đó là lỗi thời thì "bất hạnh" cho lịch sử vì đó là "xiềng xích" của LLSX và cả bánh xe lịch sử.

Lịch sử loài người từ khi xuất hiện tư hữu và nhà nước cũng chính là lịch sử nối tiếp nhau của các PL các "chế độ SH" tương ứng. Không ở đâu bản chất giai cấp của nhà nước và PL được phản ánh tập trung và sâu sắc hơn trong chế độ SH với tất cả các chế định kèm theo trong PL.

Ngày từ thời cổ đại, trong các bộ luật nổi tiếng như Hammarubi (Babilon), Hình (đời Thương) hay Ngũ hình pháp (đời Chu TQ), Luật 12 bảng (La Mã) v.v... số phận người nô lệ và phần lớn ruộng đất đều thuộc các tầng lớp chủ nô. Mọi sự vi phạm chế độ SH này đều chịu những hình phạt dã man nhất.

Dù chế độ SH ruộng đất phương Đông dưới danh nghĩa "sở hữu nhà nước" hay "sở hữu công xã nông thôn", thì thực chất quyền định đoạt vẫn thuộc về các tầng lớp quý tộc. Sự thần thánh hóa nhà vua như "con Trời", sự thống nhất giữa vương quyền và thần quyền phản ánh nhất quán trong PL cũng như trong tôn giáo, đạo đức, triết học, nghệ thuật... càng củng cố chế độ SH bóc lột đặc thù kiểu "PTSX châu Á" và cả nền chuyên chế tập trung điển hình của nó kéo dài suốt từ cổ đại đến cận đại.

Ở phương Tây, tình hình cũng tương tự, xét về bản chất. Dù là PL của nhà nước Cộng hòa quý tộc Sparta hay Cộng hòa dân chủ Athena, dù là PL La Mã sơ kỳ hay hậu kỳ thì đặc quyền đặc lợi về kinh tế và chính trị vẫn thuộc về các đẳng cấp trên.

Chế độ SH phong kiến cũng nhà nước, PL phong kiến là một bước tiến bộ hơn thời nô lệ. Nhưng thân phận nông nô không khác mấy nô lệ trong sự bóc lột "cường bức phi kinh tế" - như tổng kết của Marx, trong sự phụ thuộc hoàn toàn về cá nhân và tối tăm về trí tuệ của nông nô - như tổng kết của Lênin. Mặc dù ngự trị suốt "đêm trường trung cổ" hàng nghìn năm ở phương Tây và hai nghìn năm ở phương Đông, nhưng cuối cùng với sự phát triển tất yếu của LLSX, của khoa học, cộng với đấu tranh giai cấp giữa nông dân, các tầng lớp lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản đang lên, chế độ SH phong kiến và nhà nước, PL phong kiến cũng lần lượt lùi vào dĩ vãng. Ban án tử hình cho các thiết chế và PL phong kiến dã man là các cuộc cách mạng tư sản liên tục nổ ra và thắng lợi (trong các mức độ khác nhau) ở Hà Lan (TK 16), Anh (TK 17) Pháp và Mỹ (TK 18), Nhật (TK 19), Nga (TK 20).

SH và PL tư sản cùng với hình thức pháp quyền phổ biến của nó là bước nhảy vọt cách mạng chưa từng thấy sau "đêm trường trung cổ", lần đầu tiên thừa nhận các quyền tự do của công dân, trước hết là quyền tư hữu "bất khả xâm phạm". Trong *Tuyên ngôn của ĐCS*, Marx - Engel đã khách quan ghi nhận rằng, trong thời gian thống trị chưa đầy 100 năm, chủ nghĩa tư bản đã tạo một khối lượng của cải khổng lồ bằng tất cả các thế kỷ trước gộp lại; song, cũng chính ngay trong *Tuyên ngôn của ĐCS*, hai ông cũng vạch rõ bản chất giai cấp trong mối quan hệ giữa lợi ích kinh tế sống còn với PL của giai cấp tư sản: "PL của các ông chỉ là ý chí của giai cấp các ông

được đề lên thành luật, cái ý chí ấy mà nội dung là do các điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định (2).

SH và PL tư sản đã trải qua lịch sử gần 400 năm từ sau giai đoạn hiệp tác giản đơn - tức từ công trường thủ công đến giai đoạn công xưởng cơ khí, từ tự do cạnh tranh đến độc quyền, từ tư bản độc quyền đến tư bản độc quyền nhà nước, và ngày nay là chủ nghĩa tư bản độc quyền xuyên quốc gia, đa quốc gia của CNTB hiện đại.

Mọi điều chỉnh về SH và PL trong các giai đoạn tương ứng cộng với tương quan lực lượng giữa vô sản và tư sản, không hề làm thay đổi bản chất của SH và PL tư sản. Bởi vì, như Marx đã phân tích: "Lao động làm thuê, lao động của người vô sản liệu có tạo ra số hữu cho người vô sản không? Tuyệt đối không. Nó tạo ra tư bản tức là tạo ra cái sở hữu bóc lột lao động làm thuê".

Sở hữu nhà nước tư sản ra đời vừa là kết quả không tránh khỏi của tính chất xã hội hóa LLSX, vừa là một thứ "tư bản tập thể" khổng lồ với các khoản "siêu lợi nhuận" hay "lợi nhuận bình phương" thuộc về "một dùm đầu sỏ tư bản tài chính" - "cắt phiếu" như cách gọi của Lênin, thu được từ bóc lột trong nước và đặc biệt từ các thuộc địa.

Cách mạng KH - KT, đặc biệt với giai đoạn mới nhất từ giữa thập niên 70, giai đoạn cách mạng KH và công nghệ với tư cách là "làn sóng văn minh thứ ba" - văn minh trí tuệ và tin học - vượt xa hai làn sóng văn minh nông nghiệp và công nghiệp đã có trong lịch sử, đang thúc đẩy sự chín muồi về trình độ và tính chất xã hội hóa của LLSX. Hiện tượng 3 - 40 triệu công nhân mua cổ phần cùng với quá trình trung lưu hóa tăng lên trong các nước tư bản phát triển đã diễn ra trong bối cảnh ấy. Nó làm dịu phần nào các xung đột xã hội, chứ không thể làm đảo lộn số phận hai giai cấp cơ bản VS và TS. Bởi vì giá trị tuyệt đối của cổ phần VS chiếm tỷ lệ chẳng là bao so với cổ phần TS và thượng tầng chính trị - pháp lý vẫn không vì thế mà tuột khỏi tay các tập đoàn TB độc quyền.

Mô hình "CNXH dân chủ" - thường được nói cho Bắc Âu - gắn liền với các Đảng dân chủ xã hội cầm quyền, mưu toan kéo dài "tuổi thọ" của CNTB từ một hướng khác: Điều tiết "đầu ra" của sản xuất và tăng cường hệ thống phúc lợi, gần đây cũng làm vào cảnh khủng hoảng vì phương hại tới lợi nhuận của giới chủ và làm mất dần khả năng tăng trưởng.

Trong khi đó, tại nước Mỹ siêu cường, vẫn còn 50 triệu người nghèo khổ và dưới mức nghèo khổ như là "thế giới thứ 4" trong lòng thế giới tư bản phát triển. Và PL Mỹ vẫn nhân danh "nhân quyền" và "tự do" để phân biệt "nhân quyền" các dân tộc khác bằng

chính sách bạo lực truyền thống của mình. Nguồn gốc sâu xa của vấn đề vẫn là ở chỗ sự thống trị của sở hữu tư bản, đặc biệt của tư bản độc quyền trong đời sống kinh tế vẫn còn tồn tại. Điều đó hoàn toàn bác bỏ một luận điểm vô căn cứ của nhà tư tưởng lai học Mỹ A. Top-phlor rằng: "Vấn đề sở hữu không còn ý nghĩa nữa" (!)

Chỉ có tiếng nói trung thực, chẳng hạn của nhà triết học Pháp không Mác - xít nổi tiếng J.Đê - ri - đa, mới dám nhìn thẳng vào các bi kịch nhức nhối của CNTB hiện đại với bảng liệt kê 10 tai họa:

1. Thất nghiệp;
2. Bộ phận lớn dân chúng bị đẩy ra lề cuộc sống trong đời sống dân chủ của các quốc gia;
3. Mâu thuẫn vì người nhập cư, trực xuất, đầy ắp lưu vong, không quốc tịch...;
4. Chiến tranh kinh tế giữa các quốc gia;
5. Nạn tăng trầm trọng nợ nước ngoài, kéo theo tình trạng nghèo đói tuyệt vọng của một bộ phận lớn nhân loại.
6. Công nghiệp và thương mại sản xuất vũ khí;
7. Phổ biến lan tràn vũ khí hạt nhân;
8. Chiến tranh sắc tộc;
9. Thế lực Mafia và các tổ chức buôn bán ma túy;
10. Vi phạm nhân quyền và các luật quốc tế.

Từ phía đối lập với CNTB, sự khủng hoảng và sụp đổ của một mô hình CNXH xa lạ với CNXH khoa học, cũng chính là sự khủng hoảng và sụp đổ của chế độ SH và PL chủ quan duy ý chí.

Mô hình Cộng sản thời chiến (CSTC) mà những người Bôn - sê - vich áp dụng ngay sau Cách mạng tháng mười trong bối cảnh đấu tranh giai cấp và nội chiến tàn khốc, đã bùng nổ khủng hoảng vào mùa xuân 1921 vì quá sức chịu đựng của quần chúng và đe dọa cả sở phận chính quyền Xô Viết.

Một bài học xương máu rút ra: Không thể thay thế các qui luật kinh tế, các quan hệ kinh tế bằng các sắc lệnh Cộng sản.

Với nhạy cảm đặc biệt của thiên tài Lenin, NEP (tức chính sách kinh tế mới) đã lập tức thay thế mô hình CSTC. Thực chất của NEP là đa dạng hóa sở hữu cùng với các thành phần kinh tế (đặc biệt là CNTB nhà nước), tạo địa bàn to lớn cho việc khôi phục, giải phóng và phát triển vượt bậc LLSX "Cái cơ bản nhất, chủ yếu nhất đảm bảo cho thắng lợi của trật tự xã hội mới". Với ý nghĩa đó, NEP xứng đáng với danh giá của Viện sĩ Mối - sếp "có thể trở thành một cuốn giáo khoa tuyệt vời về CNXH thực tiễn" (3)

Đáng tiếc, từ cuối thập niên 20, phủ định NEP là mô hình Sta - lin, mà thực chất là tái lập mô hình CSTC trên cơ sở cao hơn. Các động lực phi kinh tế đủ loại đã tạm thời áp đảo các động lực kinh tế suốt tiến trình tập thể hóa, công nghiệp hóa và tăng trưởng liên tục qua nhiều kế hoạch 5 năm trong bối cảnh đối đầu quốc tế.

Từ giữa thập niên 70, trong khi CNTB hiện đại từng bước tự điều chỉnh cho phù hợp với cục diện mới, thì mô hình cũ CNXH, trái lại, không được cải tổ kịp thời và đồng bộ, lâm vào tình trạng khủng hoảng, khủng hoảng và sụp đổ cùng với những sai lầm trực tiếp, thậm chí phản trắc, của các nhà cải tổ. Trong 2/3 thế kỷ tồn tại của mình, từ duy cũ vào mô hình cũ về CNXH đã đối lập với vấn đề nhà nước pháp quyền và các quan hệ sở hữu cá nhân như những cái gì "đặc sản" của CNTB. Có thể nói bi kịch của mọi bi kịch dưới mô hình cũ CNXH là ở chỗ "sở hữu của tất cả nhưng chẳng phải của ai cả". Quá trình tha hóa người lao động cũng như tha hóa từng bước hệ thống chính trị bắt nguồn từ chế độ sở hữu xơ cứng ấy. Lột xác một chế độ sở hữu có bề dày thời gian với tài sản cố định khổng lồ như vậy là điều không dễ dàng. Trong khi đó, các cải tổ ở tầng chính trị - pháp lý thì diễn ra đầy những khinh suất nhân

danh "tính công khai" và theo con đường đa nguyên hóa. Như vậy, nếu biện chứng khách quan giữa SH và PL đã bị vi phạm xuyên suốt mô hình cũ, thì lại tiếp tục bị vi phạm nặng nề trong "qui trình" cải tổ. Sự khủng hoảng và sụp đổ của toàn bộ mô hình cũ ở LX và Đông Âu xác nhận sự vi phạm đó.

Những thành công to lớn trong công cuộc cải cách ở Trung Quốc và đổi mới ở VN là biểu hiện cho sự tiếp cận hợp qui luật mối quan hệ biện chứng giữa SH và PL. Đó là sự thừa nhận từ trong cương lĩnh Đảng cầm quyền đến NN, PL và trên thực tế một chiến lược kinh tế đa dạng hóa sở hữu trong các thành phần cùng phát triển sản xuất hàng hóa, có sự quản lý của nhà nước (chủ yếu bằng PL), theo định hướng XHCN. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong các ngành then chốt tuyệt nhiên không phải do sự áp đặt từ phía thượng tầng, mà tùy thuộc vào sự chín muồi trình độ và tính chất xã hội hóa của LLSX.

Những tồn tại của mô hình cũ (tập trung, duy ý chí, một thành phần, phi hàng hóa...) cùng với những tiêu cực mới nảy sinh, ngoài các nguyên nhân khách quan, theo chúng tôi, có nguyên nhân sâu sắc là sự kém nhất quán trong đổi mới hệ thống sở hữu và hệ thống PL cũng như sự xác lập hệ thống nhà nước pháp quyền nói chung.

Để kết luận, cần khẳng định lại một triết lý: Quan hệ biện chứng giữa SH và PL vừa mang bản chất giai cấp, vừa mang tính khách quan về nội dung và chủ quan về hình thức, đóng vai trò một đường trục xuyên suốt từ LLSX, qua QHSX, tới thượng tầng kiến trúc. Nhận thức và vận dụng đường trục ấy mang ý nghĩa quyết định thành bại đối với cả sự nghiệp định hướng XHCN của chúng ta ♣

(1) Mác - Ăngghen, *Tuyển tập*, T1, Sự thật, Hà Nội, 1980, tr 262 - 263.

(2) SDD, tr 559.

(3) Mối - sếp, *CNXH và Tin học*, Viện khoa học tính toán và điều khiển, 4.1989, tr89.



26 PHÁT TRIỂN KINH TẾ